TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2025/DS - ST
Ngày 26 - 11 - 2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân

1.Ông Huỳnh Hoàng Nam

2.Ông Lê Văn Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2025/TLST - DS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2025/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 11 năm 2025. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thị T - sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp V, xã G, tỉnh An Giang.
- *Bị đơn*: Bà Thị N - sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp V, xã G, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thị T trình bày:

Vào năm 2022 bà Thị N có hỏi vay của bà tiền để lo chuyện gia đình, do tin tưởng cho nên bà đồng ý. Số tiền bà đưa cho bà N vay nhiều lần; lần thứ nhất cho vay 4.000.000 đồng, lần thứ 2 vay 10.000.000 đồng, lần thứ 3 vay 5.000.000 đồng, lần thứ 4 vay 5.000.000 đồng. Tổng cộng tôi cho bà N vay trong năm 2022 (không nhớ rõ cụ thể ngày giao tiền) 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) lãi suất 50.000 đồng/01 triệu/tháng. Hai bên không làm biên nhận, thỏa thuận miệng với nhau, bà N có đóng lãi được 3 lần rồi không đóng nữa. Đồng thời, cũng không thỏa thuận thời hạn trả đủ gốc, lãi thì tính hàng tháng. Khi nào cần thì bà yêu cầu trả gốc.

Sau nhiều lần yêu cầu nhưng bà N vẫn không trả, đến ngày 22/02/2025 bà thưa ra chính quyền địa phương, nhờ chính quyền địa phương hòa giải, bà N cam kết trả mỗi tháng 500.000 đồng, bà N có trả cho bà được 900.000 đồng và hứa trả vào ngày 15 hàng tháng nhưng chỉ hứa mà không thực hiện. Nay bà yêu cầu bà N trả cho bà số tiền gốc 23.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2025 bà Thị N trình bày:

Bà thừa nhận có hỏi vay tiền của bà Thị T tổng cộng là 24.000.000 đồng, lãi suất đúng lời trình bày của bà T. Bà có đóng lãi nhiều lần và hiện không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Do điều kiện làm ăn gặp khó khăn và mất khả năng thanh toán, bà có trả cho bà T số tiền 900.000 đồng, hiện còn nợ là 23.100.000 đồng. Nay bà T yêu cầu trả một lần thì bà không có khả năng, xin trả dần cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Bà T khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền vay còn nợ đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Bà Thị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của bà N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N.

[2] Về nội dung:

{2.1} Bà Thị T khởi kiện yêu cầu bà Thị N trả số tiền vay gốc 23.100.000 đồng (hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau. Bà Thị N hỏi vay của bà T số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), hai bên không làm biên nhận và cũng không thỏa thuận thời gian trả nợ, có thỏa thuận lãi suất 50.000 đồng/01 triệu/tháng. Bà N đã trả lãi cho bà T nhưng không rõ số tiền lãi đã trả, hai bên cũng thống nhất không yêu cầu tính toán khoản tiền này. Sau đó, bà N trả cho bà T số tiền gốc 900.000 đồng. Còn lại 23.100.000 đồng, bà N cam kết trả vào ngày 15 hàng tháng với số tiền 500.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên nhưng việc cam kết của bà N chỉ hứa mà không thực hiện được. Xét thấy việc bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà T nên bà T khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, xử buộc bà Thị N phải trả cho bà Thị T số tiền 23.100.000 đồng (hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

{2.2} Về yêu cầu tính lãi: Do bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 577.000 (năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002592 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là:

23.100.000 đồng x 5% = 1.155.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị T đối với bà Thị N

Buộc bà Thị N phải trả cho bà Thị T số tiền 23.100.000 đồng (hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Hoàn lại cho bà Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 577.000 (năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002592 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là:

23.100.000 đồng x 5% = 1.155.000 đồng

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày: Bà Thị T được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2025). Bà N được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Tr□ờng hợp bản án, quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực, tỉnh
- Phòng THADS;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.